

Số: 1009 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 6 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thủ tục hành chính cấp tỉnh  
thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp- Bộ Ngoại giao-Bộ Công an về sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp- Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc công bố, cập nhật thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 83/TTr-STP ngày 28/5/2013 và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thủ tục hành chính cấp tỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp được ban hành tại Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*phụ lục đính kèm*).


**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tư pháp chỉ đạo việc niêm yết công khai để phục vụ tổ chức, cá nhân.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận.**

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC Bộ Tư pháp;
- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KSTTHC, NC-Ngv;
- Lưu. VT, (Ch). ~~4~~

CHỦ TỊCH <sup>VP</sup>



*Nguyễn Văn Trâm*

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2013 của*  
*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Phần I**  
**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung
01	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 227804	<p><b>- Trình tự thực hiện sửa đổi bước 4 thành:</b>  <b>Bước 4:</b> Một trong hai bên kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.</p> <p><b>- Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi thành</b>  * Hồ sơ đăng ký kết hôn được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau đây của mỗi bên:  + Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu quy định);  + Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc Tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ; giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc không có chồng;  Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy xác nhận tuyên thệ của người đó hiện tại không có vợ hoặc không có chồng, phù hợp với pháp luật của nước đó;  + Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;  + Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);</p>	Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài



+ Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam kết hôn với nhau).

\* Ngoài giấy tờ trên, tùy từng trường hợp, bên nam, bên nữ phải nộp giấy tờ tương ứng sau đây:

+ Đối với công dân Việt Nam đang phục vụ trong các lực lượng vũ trang hoặc đang làm việc có liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước thì phải nộp giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý ngành cấp trung ương hoặc cấp tỉnh, xác nhận việc người đó kết hôn với người nước ngoài không ảnh hưởng đến bảo vệ bí mật Nhà nước hoặc không trái với quy định của ngành đó;

+ Đối với công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài thì còn phải có giấy tờ chứng minh về tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

+ Đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam thì phải có giấy do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật của nước đó;

+ Đối với người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**- Thời hạn giải quyết sửa đổi thành:**

Việc đăng ký kết hôn tại Việt Nam không quá 25 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trường hợp Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan công an xác minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này thì thời hạn được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

**- Căn cứ pháp lý của hành chính:**

**Bổ sung thêm:**

Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

**Bãi bỏ:**

- Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Nghị định 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

02	<p>Công nhận kết hôn đã được tiến hành ở nước ngoài 227806</p>	<p><b>- Tên thủ tục hành chính sửa đổi thành:</b>          Công nhận việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài</p> <p><b>- Trình tự thực hiện sửa đổi thành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 1: Một trong hai bên kết hôn làm Tờ khai ghi vào sổ việc kết hôn</li> <li>- Bước 2: Hai bên nam nữ đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Visa.</li> <li>- Bước 3: Một trong hai bên kết hôn đến nộp toàn bộ hồ sơ tại Sở Tư pháp.</li> <li>- Bước 4: Một trong hai bên ghi chú đến Sở Tư pháp nhận Giấy xác nhận.</li> </ul> <p><b>- Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi thành:</b>          Hồ sơ ghi vào sổ việc kết hôn được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau:          + Tờ khai ghi vào sổ việc kết hôn (theo mẫu quy định);          + Bản sao giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;          + Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế;          + Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người có yêu cầu.</p> <p>Trường hợp công nhận việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài mà trước đó công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi thành:</b> Thời hạn giải quyết việc ghi vào sổ việc kết hôn là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trong trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp từ chối ghi vào sổ việc kết hôn, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do.</p> <p><b>- Căn cứ pháp lý của hành chính:</b>  <b>Bổ sung thêm:</b>          Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p> <p><b>Bãi bỏ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;</li> <li>- Nghị định 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số</li> </ul>	<p>Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p>
----	--	--	--



		68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	
03	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài. 227807	<p><b>- Trình tự thực hiện sửa đổi thành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 1: Cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền làm các giấy tờ làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</li> <li>- Bước 2: Cá nhân làm Tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ, con</li> <li>- Bước 3: Người có yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp</li> <li>- Bước 4: Các bên đến Sở Tư pháp nhận Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con.</li> </ul> <p><b>- Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi thành:</b></p> <p>Hồ sơ nhận cha, mẹ, con được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (theo mẫu quy định);</li> <li>+ Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);</li> <li>+ Bản sao Giấy khai sinh của người được nhận là con trong trường hợp xin nhận con; của người nhận cha, mẹ trong trường hợp xin nhận cha, mẹ;</li> <li>+ Căn cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc mẹ, con (nếu có);</li> <li>+ Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam ở trong nước), bản sao Thẻ thường trú (đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam) của người được nhận là cha, mẹ, con.</li> </ul> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi thành:</b></p> <p>Thời hạn giải quyết việc nhận cha, mẹ, con không quá 25 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí.</p> <p>Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định sửa đổi thành:</b></p> <p>Sở Tư pháp</p> <p><b>- Căn cứ pháp lý của hành chính:</b></p> <p><b>Bổ sung thêm:</b></p> <p>Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p> <p><b>Bãi bỏ:</b></p> <p>Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p>	Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
04	Cấp Giấy	<p><b>- Tên thủ tục hành chính sửa đổi thành:</b></p> <p>Đăng ký hoạt động của Trung tâm, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân</p>	Nghị định số 24/2013/NĐ-

<p>đăng ký hoạt động cho Trung tâm hỗ trợ kết hôn. 228194</p>	<p>và gia đình có yếu tố nước ngoài</p> <p><b>- Trình tự thực hiện sửa đổi thành sửa đổi thành:</b></p> <p>- Bước 1: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ban hành Quyết định thành lập Trung tâm</p> <p>- Bước 2: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phê duyệt quy chế hoạt động bảo đảm nguyên tắc phi lợi nhuận của Trung tâm; có địa điểm, trang thiết bị, nhân lực cần thiết bảo đảm hoạt động của Trung tâm và dự kiến người đứng đầu Trung tâm.</p> <p>- Bước 3: Người dự kiến đứng đầu Trung tâm khai Tờ khai đăng ký hoạt động theo mẫu quy định; làm lý lịch Tư pháp; Giấy chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm</p> <p>- Bước 4: Người đứng đầu Trung tâm đến Sở Tư pháp nộp hồ sơ và lệ phí.</p> <p>- Bước 5: Người đứng đầu Trung tâm đến Sở Tư pháp nhận Giấy đăng ký hoạt động hỗ trợ kết hôn.</p> <p><b>- Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ sửa đổi thành:</b></p> <p>Hồ sơ đăng ký hoạt động của Trung tâm được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau:</p> <p>+ Tờ khai đăng ký hoạt động (theo mẫu quy định);</p> <p>+ Bản sao Quyết định thành lập Trung tâm;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu Trung tâm được cấp chưa quá 03 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ;</p> <p>+ Bản sao quy chế hoạt động.</p> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi thành:</b></p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu quy định) cho Trung tâm. Trường hợp từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội Liên hiệp phụ nữ đã thành lập Trung tâm, trong đó nêu rõ lý do từ chối. Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được thì được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.</p> <p><b>- Căn cứ pháp lý của hành chính:</b></p> <p><b>Bổ sung thêm:</b></p> <p>Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p> <p><b>Bãi bỏ:</b></p> <p>Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;</p>	<p>CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p>
<p>05 Thay đổi nội</p>	<p><b>- Tên thủ tục hành chính sửa đổi thành:</b></p> <p>Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố</p>	<p>Nghị định số 24/2013/NĐ-</p>

<p>dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hỗ trợ kết hôn.</p>	<p>nước ngoài</p> <p><b>- Trình tự thực hiện sửa đổi thành sửa đổi thành:</b></p> <p>- Bước 1: Trung tâm gửi văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động.</p> <p>- Bước 2: Người đứng đầu Trung tâm nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.</p> <p>- Bước 3: Người đứng đầu Trung tâm đến Sở Tư pháp nhận Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hỗ trợ kết hôn đã ghi nội dung thay đổi.</p> <p><b>- Thành phần hồ sơ sửa đổi thành:</b></p> <p>- Trung tâm muốn thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở thì phải có văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động.</p> <p>- Trường hợp muốn thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc thay đổi nội dung hoạt động của Trung tâm, Hội Liên hiệp phụ nữ phải có văn bản gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động của Trung tâm, trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, lý do thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. Nếu thay đổi người đứng đầu Trung tâm thì còn phải có Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến thay thế được cấp chưa quá 03 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ.</p> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi thành:</b></p> <p>+ Đối với việc thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở thì giải quyết là trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, Sở Tư pháp ghi trực tiếp nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm và đóng dấu xác nhận.</p> <p>+ Đối với trường hợp muốn thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc thay đổi nội dung hoạt động của Trung tâm thì giải quyết là trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi trực tiếp nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động và đóng dấu xác nhận. Trường hợp từ chối cho thay đổi, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội Liên hiệp phụ nữ và nêu rõ lý do.</p> <p><b>- Căn cứ pháp lý của hành chính:</b></p> <p><b>Bổ sung thêm:</b></p> <p>Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p> <p><b>Bãi bỏ:</b></p> <p>Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;</p>	<p>CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p>
<p>06 Chấm dứt hoạt động</p>	<p><b>- Tên thủ tục hành chính sửa đổi thành:</b></p> <p>Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p> <p><b>- Trình tự thực hiện:</b></p>	<p>Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày</p>



<p>của Trung tâm hỗ trợ kết hôn 228201</p>	<p>- Bước 1: Trước ngày chấm dứt hoạt động, Trung tâm có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ (nếu có) với tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động. - Bước 2: Trung tâm báo cáo bằng văn bản gửi Hội Liên hiệp phụ nữ và Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hoạt động</p> <p><b>- Thành phần hồ sơ sửa đổi thành:</b> + Trường hợp Hội Liên hiệp phụ nữ quyết định giải thể Trung tâm thì Hội Liên hiệp phụ nữ phải có văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm gửi Sở Tư pháp, nơi Trung tâm đăng ký hoạt động, chậm nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động của Trung tâm. Trung tâm phải nộp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hoạt động. + Trường hợp Trung tâm bị tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền khác gửi Hội Liên hiệp phụ nữ quyết định tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động chậm nhất 30 ngày trước ngày Trung tâm bị buộc chấm dứt hoạt động. + Báo cáo bằng văn bản của Trung tâm gửi Hội Liên hiệp phụ nữ và Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hoạt động về việc thanh toán các khoản nợ (nếu có) với tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm.</p> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi thành:</b> Không quy định thời hạn giải quyết. <b>- Căn cứ pháp lý của hành chính:</b> <b>Bổ sung thêm:</b> Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. <b>Bãi bỏ:</b> Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;</p>	<p>28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</p>
<p>07 Xác nhận có quốc tịch Việt Nam 228222</p>	<p><b>- Tên thủ tục hành chính sửa đổi thành:</b> Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam <b>- Trình tự thực hiện sửa đổi thành:</b> - Bước 1: Cá nhân làm Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam và nộp Sở Tư pháp nơi cư trú. - Bước 2: Cá nhân đến Sở Tư pháp nhận kết quả <b>- Thành phần hồ sơ:</b> + Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6; + Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; + Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ: Giấy khai</p>	<p>Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an sửa</p>



sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi họ tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ);

- Trong trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch nêu trên thì nộp Tờ khai lý lịch và các giấy tờ để phục vụ việc xác minh về quốc tịch của người đó (nếu có) gồm: Bản sao các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con; Bản sao giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; Bản sao giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

**- Thời gian giải quyết sửa đổi thành:**

+ Trường hợp khẳng định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNCQTVN);

+ Trường hợp Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNCQTVN) nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam.

Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định sửa đổi thành:** Sở Tư pháp

**- Cơ quan phối hợp sửa đổi thành:**

Bộ Tư pháp, Công an tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ sửa đổi thành:**

Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN

**- Căn cứ pháp lý bổ sung thêm:**

Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

<p>08</p>	<p>Xác nhận là người gốc Việt Nam 228225</p>	<p><b>- Tên thủ tục hành chính sửa đổi thành:</b> Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam</p> <p><b>- Trình tự thực hiện sửa đổi thành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 1: Cá nhân làm Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam và xuất trình giấy tờ khác có liên quan</li> <li>- Bước 2: Cá nhân đến Sở Tư pháp nhận kết quả</li> </ul> <p><b>- Thành phần hồ sơ sửa đổi thành:</b> Hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-TKXNLNGVN; kèm 02 ảnh 4x6;</li> <li>+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>+ Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống;</li> <li>+ Giấy tờ khác có liên quan làm căn cứ để tham khảo bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bản photocopy kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>• Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;</li> <li>• Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;</li> <li>• Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).</li> </ul> </li> </ul> <p><b>- Thời gian giải quyết sửa đổi thành:</b> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam Sở Tư pháp xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNLNGVN).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết</li> </ul> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định sửa đổi thành:</b> Sở Tư pháp</p> <p><b>- Cơ quan phối hợp sửa đổi thành:</b> Bộ Tư pháp, Công an tỉnh</p> <p><b>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ sửa đổi thành:</b> TP/QT-2013-TKXNLNGVN</p>	<p>Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/ BTP-BNG- BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/ BTP-BNG- BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ- CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>
-----------	--	---	---

		<p><b>- Căn cứ pháp lý bổ sung thêm:</b>          Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>	
9	<p>cấp          Phiếu lý          lịch tư          pháp          trực tiếp          cho          người          có yêu          cầu          228229</p>	<p><b>- Số lượng hồ sơ sửa đổi thành:</b>          * Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước: Nộp 01 bộ hồ sơ          * Người nước ngoài đang cư trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh: nộp 01 bộ hồ sơ</p> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi đoạn 2 thành:</b>          Đối với người nước ngoài cư trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.</p> <p><b>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa đổi thành:</b> Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Mẫu 04).</p> <p><b>- Căn cứ pháp lý của hành chính bổ sung thêm:</b>          + Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;          + Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p>	<p>Thông tư số          06/2013/TT-          BTP ngày          06/02/2013 của          Bộ Tư pháp về          hướng dẫn về          quản lý, sử          dụng và khai          thác cơ sở dữ          liệu lý lịch tư          pháp;          - Thông tư liên          tịch số          04/2012/TTLT-          BTP-TANDT-          VKSNDTC-          BCA-BQP          ngày 10/5/2012          của Bộ Tư          pháp, Tòa án          nhân dân tối          cao, Viện kiểm          sát nhân dân tối          cao, Bộ Công          an, Bộ Quốc          Phòng về việc          hướng dẫn</p>
10	<p>Cấp          Phiếu lý          lịch tư          pháp          theo          hình          thức ủy          quyền          228230</p>	<p><b>- Trình tự thực hiện bổ sung thêm vào sau đoạn 2 bước 1 như sau:</b> Trường hợp người ủy quyền là người nước ngoài đã rời Việt Nam thì phải có văn bản ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật nước mà người đó là công dân hoặc thường trú và phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và dịch ra tiếng Việt.</p> <p><b>- Số lượng hồ sơ sửa đổi thành:</b> 01 bộ</p> <p><b>- Thời hạn giải quyết sửa đổi đoạn 2 thành:</b>          + Đối với người nước ngoài cư trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.</p> <p><b>- Căn cứ pháp lý của hành chính bổ sung thêm:</b>          + Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;</p>	



		+ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;	trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
11	cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan, tổ chức và cơ quan tiền hành tổ tụng.  228231	- Căn cứ pháp lý của hành chính bổ sung thêm: + Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	

### B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý để bãi bỏ
01	Gia hạn hoạt động của Trung tâm hỗ trợ kết hôn. 228196	Bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính này	Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**1. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam. Mã số hồ sơ: 227804**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Hai bên nam nữ đến UBND cấp xã xác nhận Tờ khai đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân. Đối với người nước ngoài phải có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc xác nhận lời tuyên thệ.

- Bước 2: Hai bên nam nữ đến cơ quan y tế có thẩm quyền khám sức khỏe.

- Bước 3: Hai bên nam nữ đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Visa.

- Bước 4: Một trong hai bên kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Bước 5: Hai bên nam nữ đến Sở Tư pháp để tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận và ký vào Sổ đăng ký kết hôn (Sau khi UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Hồ sơ đăng ký kết hôn được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau đây của mỗi bên:

+ Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu quy định);

+ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc Tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ; giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc không có chồng;

Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy xác nhận tuyên thệ của người đó hiện tại không có vợ hoặc không có chồng, phù hợp với pháp luật của nước đó;

+ Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

+ Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong

nước), Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);

+ Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam kết hôn với nhau).

\* Ngoài giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này, tùy từng trường hợp, bên nam, bên nữ phải nộp giấy tờ tương ứng sau đây:

+ Đối với công dân Việt Nam đang phục vụ trong các lực lượng vũ trang hoặc đang làm việc có liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước thì phải nộp giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý ngành cấp trung ương hoặc cấp tỉnh, xác nhận việc người đó kết hôn với người nước ngoài không ảnh hưởng đến bảo vệ bí mật Nhà nước hoặc không trái với quy định của ngành đó;

+ Đối với công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài thì còn phải có giấy tờ chứng minh về tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

+ Đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam thì phải có giấy do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật của nước đó;

+ Đối với người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết việc đăng ký kết hôn tại Việt Nam không quá 25 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trường hợp Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan công an xác minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này thì thời hạn được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: VP. UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Giấy chứng nhận

**h) Lệ phí:** 1.000.000đ/trường hợp

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai Đăng ký kết hôn (Mẫu 17).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:**

- Hai bên nam nữ phải đến phỏng vấn trực tiếp tại Sở Tư pháp  
- Trong trường hợp có lý do khách quan mà một bên không thể có mặt được và ủy quyền cho bên kia đến nộp hồ sơ.

- Công dân Việt Nam phục vụ trong các lực lượng vũ trang hoặc trực tiếp liên quan đến bí mật Nhà nước thì phải có Giấy xác nhận của cấp trung ương hoặc cấp tỉnh là việc kết hôn không ảnh hưởng hoặc trái với quy định của ngành.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 09/6/2000;

- Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

- Quyết định số 15/2003/QĐ-BTP ngày 12/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài;

- Quyết định số 43/2004/QĐ-UBND ngày 8/6/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

- Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

- Thông tư số 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

- Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

- Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc quy định mức thu, trích nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh.



**2. Công nhận việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài. Mã số hồ sơ: 227806**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Một trong hai bên kết hôn làm Tờ khai ghi vào sổ việc kết hôn
- Bước 2: Hai bên nam nữ đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Visa.
- Bước 3: Một trong hai bên kết hôn đến nộp toàn bộ hồ sơ tại Sở Tư pháp.
- Bước 4: Một trong hai bên ghi chú đến Sở Tư pháp nhận Giấy xác nhận.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ ghi vào sổ việc kết hôn được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau:

- + Tờ khai ghi vào sổ việc kết hôn (theo mẫu quy định);
- + Bản sao giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
- + Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế;
- + Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người có yêu cầu.

Trường hợp công nhận việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài mà trước đó công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết việc ghi vào sổ việc kết hôn là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trong trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 05 ngày làm việc.

Trường hợp từ chối ghi vào sổ việc kết hôn, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.



- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh, UBND cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Giấy xác nhận

**h) Lệ phí:** 50.000đ/trường hợp

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Mẫu 19),

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** Hai bên nam nữ phải đến phỏng vấn trực tiếp tại Sở Tư pháp.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Hôn nhân và gia đình ngày 09/6/2000;

- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định 01/2006/QĐ-BTP ngày 29/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

- Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

- Thông tư 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

- Thông tư 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc quy định mức thu, trích nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

**3. Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài. Mã số hồ sơ: 227807**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền làm các giấy tờ làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.

- Bước 2: Cá nhân làm Tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ, con

- Bước 3: Người có yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp

- Bước 4: Các bên đến Sở Tư pháp nhận Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ nhận cha, mẹ, con được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau:

+ Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (theo mẫu quy định);

+ Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);

+ Bản sao Giấy khai sinh của người được nhận là con trong trường hợp xin nhận con; của người nhận cha, mẹ trong trường hợp xin nhận cha, mẹ;

+ Căn cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc mẹ, con (nếu có);

+ Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam ở trong nước), bản sao Thẻ thường trú (đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam) của người được nhận là cha, mẹ, con.

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết việc nhận cha, mẹ, con không quá 25 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí.

Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: VP. UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND cấp xã..

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Quyết định hành chính

**h) Lệ phí:** 1.000.000đ/trường hợp

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đăng ký việc nhận con (Mẫu 20);
- Tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ (Mẫu 21);
- Tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ (dùng cho trường hợp con đã thành niên nhận cha mẹ) Mẫu 22).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:**

- Tất cả cá nhân thuộc mối quan hệ cha, mẹ, con phải đến phòng vẫn trực tiếp tại Sở Tư pháp.
- Giấy tờ, hình ảnh, chứng cứ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con.
- Nếu con chưa thành niên từ đủ 9 tuổi trở lên thì phải có sự đồng ý bằng văn bản
- Nếu chưa đăng ký khai sinh thì đăng ký lồng ghép việc nhận con và đăng ký khai sinh.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;
  - Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
  - Thông tư 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
  - Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc quy định mức thu, trích nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh.
-

**4. Đăng ký hoạt động của Trung tâm, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Mã số hồ sơ: 228194**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ban hành Quyết định thành lập Trung tâm

- Bước 2: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phê duyệt quy chế hoạt động bảo đảm nguyên tắc phi lợi nhuận của Trung tâm; có địa điểm, trang thiết bị, nhân lực cần thiết bảo đảm hoạt động của Trung tâm và dự kiến người đứng đầu Trung tâm.

- Bước 3: Người dự kiến đứng đầu Trung tâm khai Tờ khai đăng ký hoạt động theo mẫu quy định; làm lý lịch Tư pháp; Giấy chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm

- Bước 4: Người đứng đầu Trung tâm đến Sở Tư pháp nộp hồ sơ và lệ phí.

- Bước 5: Người đứng đầu Trung tâm đến Sở Tư pháp nhận Giấy đăng ký hoạt động hỗ trợ kết hôn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Trung tâm.

**c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ đăng ký hoạt động của Trung tâm được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ sau:

- + Tờ khai đăng ký hoạt động (theo mẫu quy định);
- + Bản sao Quyết định thành lập Trung tâm;
- + Giấy tờ chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;
- + Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu Trung tâm được cấp chưa quá 03 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ;
- + Bản sao quy chế hoạt động.

**d) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động (theo mẫu quy định) cho Trung tâm.

Trường hợp từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội Liên hiệp phụ nữ đã thành lập Trung tâm, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Trường hợp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được thì được cấp lại Giấy đăng ký hoạt động.

đ) **Đối tượng thực hiện hành chính:** Tổ chức

• e) **Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp tỉnh.

f) **Kết quả thực hiện hành chính:** Giấy đăng ký.

g) **Lệ phí:** không

h) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đăng ký hoạt động hỗ trợ kết hôn (Mẫu 31).
- Lý lịch cá nhân của người dự kiến đứng đầu Trung tâm hỗ trợ kết hôn (Mẫu 32).

i) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính.**

- Có nhân lực bảo đảm cho hoạt động của Trung tâm
- Người dự kiến đứng đầu Trung tâm hỗ trợ kết hôn phải là người có đạo đức tốt, có tâm huyết hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, không có tiền án

k) **Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Quyết định 15/2003/QĐ-BTP ngày 12/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài;

- Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

**5. Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Mã số hồ sơ: 228199**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trung tâm gửi văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động.

- Bước 2: Người đứng đầu Trung tâm nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Bước 3: Người đứng đầu Trung tâm đến Sở Tư pháp nhận Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hỗ trợ kết hôn đã ghi nội dung thay đổi.

**b) Cách thức thực hiện: nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.**

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Trung tâm muốn thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở thì phải có văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động.

- Trường hợp muốn thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc thay đổi nội dung hoạt động của Trung tâm, Hội Liên hiệp phụ nữ phải có văn bản gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động của Trung tâm, trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, lý do thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. Nếu thay đổi người đứng đầu Trung tâm thì còn phải có Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến thay thế được cấp chưa quá 03 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với việc thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở thì giải quyết là trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, Sở Tư pháp ghi trực tiếp nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm và đóng dấu xác nhận.

+ Đối với trường hợp muốn thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc thay đổi nội dung hoạt động của Trung tâm thì giải quyết là trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi trực tiếp nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động và đóng dấu xác nhận. Trường hợp từ chối cho thay đổi, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội Liên hiệp phụ nữ và nêu rõ lý do.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính: Tổ chức**

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tỉnh

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Giấy đăng ký

**h) Lệ phí (nếu có):** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Lý lịch cá nhân của người dự kiến đứng đầu Trung tâm hỗ trợ kết hôn (Mẫu 32).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** Trường hợp có yêu cầu thay đổi người đứng đầu thì phải nêu rõ mục đích, nội dung và lý do thay đổi.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Quyết định 15/2003/QĐ-BTP ngày 12/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành biểu mẫu, sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài;

- Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

---



**6. Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Mã số hồ sơ: 228201**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trước ngày chấm dứt hoạt động, Trung tâm có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ (nếu có) với tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động.

- Bước 2: Trung tâm báo cáo bằng văn bản gửi Hội Liên hiệp phụ nữ và Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hoạt động

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Trung tâm.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Trường hợp Hội Liên hiệp phụ nữ quyết định giải thể Trung tâm thì Hội Liên hiệp phụ nữ phải có văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm gửi Sở Tư pháp, nơi Trung tâm đăng ký hoạt động, chậm nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động của Trung tâm. Trung tâm phải nộp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hoạt động.

+ Trường hợp Trung tâm bị tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền khác gửi Hội Liên hiệp phụ nữ quyết định tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động chậm nhất 30 ngày trước ngày Trung tâm bị buộc chấm dứt hoạt động.

+ Báo cáo bằng văn bản của Trung tâm gửi Hội Liên hiệp phụ nữ và Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký hoạt động về việc thanh toán các khoản nợ (nếu có) với tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định thời hạn giải quyết.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Tổ chức

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cấp tỉnh

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Quyết định hành chính

**h) Lệ phí:** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** không

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Thông tư 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

---

## **7. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. Mã số hồ sơ: 228222.**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân làm Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam và nộp Sở Tư pháp nơi cư trú.

- Bước 2: Cá nhân đến Sở Tư pháp nhận kết quả

### **b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (*theo mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN*) kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ: Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi họ tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ);

+ Trong trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch nêu trên thì nộp Tờ khai lý lịch và các giấy tờ để phục vụ việc xác minh về quốc tịch của người đó (nếu có) gồm: Bản sao các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con; Bản sao giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; Bản sao giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

- Số lượng hồ sơ: 1 bộ

### **d) Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp khẳng định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (*theo mẫu TP/QT-2013-GXNCQTVN*);

+ Trường hợp Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết

quả tra cứu, kiểm tra, xác minh Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNCQTVN) nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam.

+ Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Công an tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Văn bản xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

**h) Lệ phí:** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN

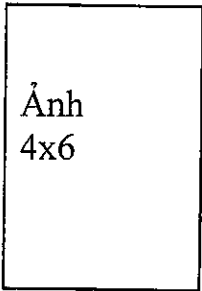
**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** không

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- Thông tư 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

---



Mẫu TP-có QTVN TP/QT-2013-TKXNCQTVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi:.... (tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)

Họ và tên người yêu cầu: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có): .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: .....

số ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

tại .....

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1) .....

2) .....

3) .....

4) .....

5) .....

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

**NGƯỜI KHAI**  
(ký, ghi rõ họ, tên)



## **8. Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. Mã số hồ sơ: 228225**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân làm Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam và xuất trình giấy tờ khác có liên quan

- Bước 2: Cá nhân đến Sở Tư pháp nhận kết quả

### **b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam bao gồm:

+ Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-TKXNLNGVN; kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống;

+ Giấy tờ khác có liên quan làm căn cứ để tham khảo bao gồm:

- Các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bản photocopy kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;

- Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 1 bộ

### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam Sở Tư pháp xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì

cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNLNGVN).

- Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Công an tỉnh

**g) Kết quả thực hiện hành chính:** Văn bản xác nhận là người gốc Việt Nam.

**h) Lệ phí:** không

**i) Tên Tờ khai:** Mẫu TP/QT-2013-TKXNLNGVN

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** không

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008;

- Nghị định 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

- Thông tư 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh  
4x6

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM**

Kính gửi:.... (tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)

Họ và tên người yêu cầu: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có): .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế: .....

số ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

tại .....

Giấy tờ để chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờ chứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

- 1) .....
- 2) .....
- 3) .....
- 4) .....
- 5) .....

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

**NGƯỜI KHAI**  
(ký, ghi rõ họ, tên)



**9. cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp cho người có yêu cầu. Mã số hồ sơ: 228229**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh; Người nước ngoài đang cư trú tại tỉnh Bình Phước trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi cư trú nộp hồ sơ và khai vào Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp.

+ Người yêu cầu cấp Lý lịch tư pháp phải nộp: Bản sao Giấy CMND hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp (kèm theo bản chính để đối chiếu). Sổ tạm trú (bản sao) hoặc giấy xác nhận tạm trú của Công an tỉnh, phường, xã, thị trấn.

- Bước 2: Người có yêu cầu đến Sở Tư pháp nhận kết quả hoặc đến Trung tâm LLTPQG nhận kết quả nếu hồ sơ được gửi đến Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* **Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- Tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp;

- Sổ hộ khẩu tại tỉnh Bình Phước và Giấy chứng minh nhân dân (bản photo kèm bản chính để đối chiếu).

- Trong trường hợp không có nơi thường trú thì nộp sổ tạm trú (bản photo kèm bản chính để đối chiếu).

\* **Người nước ngoài đang cư trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh:** nộp 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

- Tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp;

- Hộ chiếu hoặc Visa có chứng thực; Sổ hộ khẩu tại tỉnh Bình Phước và Giấy chứng minh nhân dân (bản photo kèm bản chính để đối chiếu).

- Thẻ thường trú hoặc tạm trú (bản photo kèm bản chính để đối chiếu), Sổ tạm trú (bản sao) Giấy xác nhận tạm trú của Công an tỉnh.

**d) Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với công dân đang thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước: Thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với người nước ngoài cư trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

+ Nếu hồ sơ phải xác minh tại các cơ quan hữu quan (do cá nhân là người Việt Nam đã có thời gian ở nhiều địa phương khác nhau, có thời gian ở nước ngoài, hoặc đã bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử...; người nước ngoài tạm trú nhiều nơi tại Việt Nam), thì thời hạn trả kết quả có thể chậm hơn so với phiếu hẹn.

+ Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1, Điều 46 của Luật Lý lịch tư pháp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp; Trung Tâm LLTPQG.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp; Trung Tâm LLTPQG.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an tỉnh, Toà án, Thi hành án dân sự, Trung Tâm LLTPQG

**g) Kết quả thực hiện hành:** Phiếu Lý lịch tư pháp số 1

**h) Lệ phí:**

- 200.000 đ/lần/người.
- 100.000 đ/lần/người đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Mẫu 04).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** Để xác định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng là học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ để áp dụng mức thu lệ phí 100.000 đồng/lần/người; thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật để được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Các đối tượng này xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ đang còn giá trị sử dụng để chứng minh người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc các đối tượng nêu trên.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Lý lịch Tư pháp;
- Nghị định 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

- Thông tư 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

- Thông tư 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;



**10. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo hình thức ủy quyền. Mã số hồ sơ: 228230.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ Người được ủy quyền trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước của người ủy quyền nộp hồ sơ và khai vào Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp.

+ Người được ủy quyền cấp Phiếu Lý lịch tư pháp phải nộp: Bản sao Giấy CMND hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Bản sao Giấy CMND của người được ủy quyền (kèm theo bản chính để đối chiếu). Văn bản ủy quyền phải có công chứng hoặc chứng thực; Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh thẩm quyền yêu cầu của người ủy quyền;

+ Trường hợp người ủy quyền là người nước ngoài đã rời Việt Nam thì phải có văn bản ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật nước mà người đó là công dân hoặc thường trú và phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và dịch ra tiếng Việt.

+ Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì không cần văn bản ủy quyền.

+ Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 thì không được ủy quyền cho người khác làm cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Bước 2: Người có yêu cầu đến Sở Tư pháp nhận kết quả.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp.

+ Sổ hộ khẩu tại tỉnh Bình Phước và Giấy chứng minh nhân dân của người ủy quyền; Giấy CMND của người được ủy quyền (bản photo kèm bản chính để đối chiếu).

+ Trong trường hợp không có nơi thường trú thì nộp sổ tạm trú (bản photo kèm bản chính để đối chiếu).

+ Văn bản ủy quyền; Bản án /Quyết định có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với công dân đang thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước: Thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với người nước ngoài cư trú tại tỉnh Bình Phước; Công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian đang cư trú ở nước ngoài đã cư trú tại tỉnh Bình Phước trước khi xuất cảnh: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

+ Nếu hồ sơ phải xác minh tại các cơ quan hữu quan (do cá nhân là người Việt Nam đã có thời gian ở nhiều địa phương khác nhau, có thời gian ở nước ngoài, hoặc đã bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử...; người nước ngoài tạm trú nhiều nơi tại Việt Nam), thì thời hạn trả kết quả có thể chậm hơn so với phiếu hẹn.

+ Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật lý lịch tư pháp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cá nhân

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp; Trung Tâm LLTPQG.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp; Trung Tâm LLTPQG.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an tỉnh, Toà án, Thi hành án dân sự, Trung Tâm LLTPQG

**g) Kết quả thực hiện hành:** Phiếu Lý lịch tư pháp số 1.

**h) Lệ phí (nếu có):**

- 200.000 đ/lần/người.

- 100.000 đ/lần/người đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp) (Mẫu 41).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành:** Để xác định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng là học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ để áp dụng mức thu lệ phí 100.000 đồng/lần/người; thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật để được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Các đối tượng này xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ đang còn giá trị sử dụng để chứng minh người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc các đối tượng nêu trên.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Lý lịch Tư pháp;
  - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật lý lịch tư pháp;
  - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;
  - Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.
  - Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;
  - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
-

**11. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan, tổ chức và cơ quan tiến hành tố tụng. Mã số hồ sơ: 228231**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:**

+ Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp nơi người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thường trú hoặc tạm trú; trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì gửi đến Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.

+ Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp nơi người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thường trú hoặc tạm trú; trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì gửi văn bản yêu cầu đến Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.

+ Trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua điện thoại, fax hoặc bằng các hình thức khác và có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

- Bước 2: Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, Cơ quan tiến hành tố tụng đến Sở Tư pháp hoặc đến TTLTPQG (trường hợp gửi hồ sơ cho TTLTPQG) để nhận kết quả.

**b) Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước hoặc gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính Văn bản yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp.

+ Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức cử cán bộ đến liên hệ công tác.

+ Bản photo Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu), hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) của người được yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 1 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với công dân đang thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Bình Phước: Thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với người nước ngoài cư trú tại tỉnh Bình Phước: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

+ Nếu hồ sơ phải xác minh tại các cơ quan hữu quan (do cá nhân là người Việt Nam đã có thời gian ở nhiều địa phương khác nhau, có thời gian ở nước ngoài, hoặc đã bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử...; người nước ngoài tạm trú nhiều nơi tại Việt Nam), thì thời hạn trả kết quả có thể chậm hơn so với phiếu hẹn.

+ Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1, Điều 46 của Luật Lý lịch tư pháp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**e) Đối tượng thực hiện hành chính:** Cơ quan, Tổ chức

**f) Cơ quan thực hiện hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp; Trung Tâm LLTPQG.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tư pháp; Trung Tâm LLTPQG.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an tỉnh, Toà án, Thi hành án dân sự, Trung Tâm LLTPQG

**g) Kết quả thực hiện hành:** Phiếu Lý lịch tư pháp số 2

**h) Lệ phí:**

- 200.000 đ/lần/người.

- 100.000 đ/lần/người đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Văn bản yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (Mẫu 42).

- Văn bản yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu 43).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện hành chính:** Để xác định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng là học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ đề áp dụng mức thu lệ phí 100.000 đồng/lần/người; thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật để được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Các đối tượng này xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ đang còn giá trị sử dụng để chứng minh người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc các đối tượng nêu trên.

**l) Căn cứ pháp lý của hành chính:**

- Luật Lý lịch Tư pháp;



- Nghị định 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật lý lịch tư pháp;

- Thông tư 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

- Thông tư 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn trình tự, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

---